TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Hương, Bà Nông Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhất - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Quan Thị Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phàn Thị C; sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn L, xã V, tỉnh Tuyên Quang, (trước đây là thôn Làng Khẻn, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang); Căn cước số 002199000641; do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1 cấp ngày 28/10/2024; vắng mặt, (xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Thanh V, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn K, xã B, tỉnh Tuyên Quang, (trước đây là thôn K, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang); Căn cước công dân số 002091004492; do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1 cấp ngày 21/01/2023; vắng mặt, (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Phàn Thị C khai: Chị và anh Đặng Thanh V đăng ký kết hôn ngày 06/4/2018, tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang, (trước đây là xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang). Sau khi kết hôn, chị C và anh V thường xuyên phát sinh những mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn, anh V thường xuyên uống rượu, chơi cờ bạc, không chịu khó làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Chị C và anh V đã khắc phục những mâu thuẫn nhiều lần nhưng không có kết quả, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến nay chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị C và anh V đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh V. Chị C và anh V có một con chung tên là Đặng Đình V1, sinh ngày 18/8/2018, khi chị C và anh Văn ly H, chị C có nguyện vọng để anh V là trực tiếp nuôi con chung là Đặng Đình V1. Chị C có trách nhiệm, quan tâm, chăm sóc con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đặng Thanh V, đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản khác của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh V không nộp cho Tòa án văn bản nào về ý kiến của anh V đối với yêu cầu khởi kiện của chị C, cũng như không nộp cho Tòa án bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào. Anh V cũng không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án.

Con chung chưa thành niên tên là Đặng Đình V1, khai có nguyện vọng được ở với anh V.

Đại diện của gia đình, thôn, Công an xã và chính quyền địa phương nơi vợ chồng, anh Văn cư T cho biết: Chị Phàn Thị C và anh Đặng Thanh V có đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2018, sau khi kết hôn chị C và anh V cùng làm ăn, sinh sống tại thôn K, xã B, tỉnh Tuyên Quang, quá trình chị C ở với anh V tại thôn K, chị C không đăng ký thường trú tại địa phương. Anh V và chị C ở chung với gia đình bố, mẹ anh V, trong cuộc sống thường ngày anh V, chị C thường xuyên cãi nhau nhưng không đánh nhau nên gia đình không báo đến ban Q mà chỉ bảo anh, em họ hàng đến khuyên bảo, cả hai vợ chồng không có việc làm ổn định, ở nhà cũng chỉ làm ruộng, làm nương nên vợ chồng thường xuyên đi làm thuê một thời gian rồi lại về, về một thời gian lại đi. Anh V thường xuyên đi đâu, làm gì, ở đâu thì chính quyền địa phương không biết. Anh V làm nghề lao động tự do và hiện tại vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về; anh V cũng không làm thủ tục vắng mặt tại nơi cư trú. Chị C và anh V đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2021 cho đến nay. Chị C và anh V có một con chung là Đặng Đình V1, sinh ngày 18/8/2018, hiện nay cháu V1 đang ở với anh V. Chị C có yêu cầu ly hôn, còn các nguyện vọng khác của vợ, chồng, con thì chính quyền địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự có liên quan đến mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phàn Thị C được ly hôn anh Đặng Thanh V; về con chung: Giao cháu Đặng Đình V1, sinh ngày 18/8/2018 cho anh Đặng Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Đặng Đình V1 đủ 18 tuổi; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập giải quyết; về án phí: Chị Phàn Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Tuyên Quang) theo biên lai thu số 0002436 ngày 25/4/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phàn Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang, (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang) giải quyết ly hôn với anh Đặng Thanh V, có nơi cư trú tại thôn K, xã B, tỉnh Tuyên Quang, (trước đây là thôn K, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang). Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phàn Thị C và bị đơn anh Đặng Thanh V.

[3] Chị Phàn Thị C và anh Đặng Thanh Văn tự N đăng ký kết hôn ngày 06/4/2018, tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tuyên Quang, (trước đây là xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang) là kết hôn hợp pháp. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản xác minh thì, chị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là do vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn. Anh V thường xuyên uống rượu, chơi cờ bạc, không chịu khó làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Vợ chồng đã khắc phục những mâu thuẫn nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến nay chị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Căn cứ vào lời khai của chị C cũng như các tài liệu, chứng cứ mà chị C đã nộp cho Tòa án, đơn nêu nguyện vọng của con chung cũng như thông tin do đại diện của gia đình, thôn, chính quyền địa phương nơi chị C và anh Văn cư T, cung cấp thì Tòa án thấy vợ chồng chị C và anh V đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến ly thân; mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị C ly hôn với anh V.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Đặng Đình V1, sinh ngày 18/8/2018, hiện cháu V1 đang ở cùng với anh V. Xét thấy yêu cầu của chị C và nguyện vọng của con chung, cần căn cứ các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung chưa thành niên cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về cấp dưỡng nuôi con nhưng chị C tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

*** Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Phàn Thị C ly hôn anh Đặng Thanh V.

*** Về con chung:** Giao con chung là Đặng Đình V1, sinh ngày 18/8/2018 cho anh Đặng Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phàn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*** Về án phí:** Chị Phàn Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002436 ngày 25/4/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang, (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Tuyên Quang), chị Phàn Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại

Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Tuyên Quang;
- UBND xã Bằng Lang, tỉnh Tuyên Quang; (nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hà Mạnh Cường